

NHÂN TỐ KINH TẾ TRONG TÂM NHÌN HƯỚNG BIẾN CỦA CHÚA NGUYỄN THẾ KỶ XVII – XVIII

Huỳnh Tâm sáng¹

Trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, thế kỷ XVI – XVIII là thời kỳ có nhiều biến động to lớn đã hình thành nên những cục diện quyền lực có sức ảnh hưởng và chi phối sự vận động và phát triển của Việt Nam. Cũng từ giai đoạn này, tính chất phân tách và hợp nhất các đơn vị hành chính đã kéo theo nhiều sự tương tác quyền lực từ bên trong và bên ngoài Việt Nam. Từ sau khi họ Trịnh xưng chúa ở miền Bắc, Nguyễn Hoàng (1524 – 1613) khi ấy là Thái úy Đoan quận công vì sợ sự ám hại của Trịnh Kiểm (? – 1570) như trước đã giết Lãng quận công Nguyễn Uông, nên đã nói với chị là bà Ngọc Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam². Các nguồn chính sử (và tư/dã sử) đều cho rằng Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) với câu sấm nổi tiếng “*Hoành Sơn nhất đái - (Khả dĩ) vạn đại dung thân*” đã có tác động trực tiếp và mở ra con đường sáng cho Nguyễn Hoàng lập thân và phát triển.

Năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng đã được Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa (gồm Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên – Huế ngày nay) khi mới ngoài 30 tuổi. Sách “Đại Nam thực lục” do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn ghi nhận sự kiện này khá chi tiết: “Mậu ngọ, năm thứ 1 [1558] (Lê – Chính Trị năm 1, Minh – Gia Tĩnh năm 37), mùa đông, tháng 10, chúa bắt đầu vào trấn Thuận Hóa, 34 tuổi. Những người bộ khúc đồng hương ở Tống Sơn và những người nghĩa dũng xứ Thanh Hoa đều vui lòng theo đi”³. Sự kiện này cũng mở ra một giai đoạn lịch sử với đầy ắp những biến chuyển về mặt chính trị trong lịch sử dân tộc. Li Tana đã nhận xét: “Trịnh Kiểm chỉ có ý tống khứ một địch thủ. Nhưng ông đã đi sai nước cờ. Và thay vì tống khứ, ông lại đã cho không Nguyễn Hoàng một vương quốc. Và một chuỗi các sự kiện diễn ra đã làm thay đổi toàn bộ lịch sử Việt Nam nói riêng và lịch sử Đông Nam Á nói chung”⁴.

Sau nhân việc vua Lê triệu tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quỳnh về trấn thủ Nghệ An thì Nguyễn Hoàng lại được quyền trấn thủ cả đất Quảng Nam (từ Quảng Nam đến Bình Định ngày nay) (1570). Sự kiện năm 1570 đã mở ra một bước ngoặt quan trọng cho Nguyễn Hoàng. Đây có thể được coi là “một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược bởi chính quyền Đàng Trong không chỉ có danh nghĩa chính thức để mở rộng hơn nữa ảnh hưởng về phía Nam mà còn tạo thêm được thế phòng thủ có chiều sâu cho một chủ trương chiến lược”⁵. Từ thế kỷ XVI, chúa Nguyễn Hoàng đã mở ra thời kỳ khẩn hoang, lập ấp trên vùng đất Đàng Trong. Có thể nói, công lao to

¹ Nghiên cứu sinh, Giảng viên khoa Sử, Đại học Thủ Dầu Một. Email: huynhtamsang@gmail.com

² Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr. 275.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Viện Sử học dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 28.

⁴ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, Bản dịch của Nguyễn Nghi, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 15.

⁵ Nguyễn Văn Kim (2011), *Việt Nam trong thế giới Đông Á – Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tr. 454.

lớn của Nguyễn Hoàng là đã tạo nên một sự chuyển biến to lớn trong lịch sử dân tộc: “Ông là người khởi đầu cuộc mở rộng biên cương lớn nhất trong lịch sử về phía Nam... Có thể nói rằng nếu không có việc Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa vào năm 1558 thì lịch sử có thể đã diễn ra theo một chiều hướng khác”⁶.

Như vậy, việc ra đi của Nguyễn Hoàng, như lịch sử đã cho thấy, không phải chỉ để bảo toàn tính mạng, mà là thực hiện bước mở đầu cho một chiến lược lâu dài: xây dựng lực lượng chống lại họ Trịnh⁷. Từ đây, họ Nguyễn bắt đầu gây dựng lực lượng ở phía Nam tạo thành thế đối trọng với chính quyền chúa Trịnh ở phía Bắc. Mầm mống của sự chia cắt giờ đây đã xuất hiện rõ ràng với cục diện phân tranh của hai thế lực Trịnh – Nguyễn và sau này là Đàng Ngoài (*Tonkin*) - Đàng Trong (*Cochinchina*). Sự phân mảnh quyền lực dưới dạng các thế lực cát cứ đã cho thấy sự cạnh tranh gay gắt, thậm chí là đối đầu trực diện giữa các tập đoàn phong kiến. Và cũng chính sự cạnh tranh này cũng góp phần đưa đến những diễn biến lịch sử mà hệ quả của nó là những nhân vật có tầm nhìn chiến lược một khi tận dụng được “*thiên thời, địa lợi, nhân hòa*” sẽ có khả năng tạo nên thế tương quan lực lượng có lợi cho mình. Nguyễn Hoàng là một người có tầm nhìn như vậy.

Kể từ khi Nguyễn Hoàng được chấp thuận vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, ông đã có những bước tiến hết sức vững chắc để chuẩn bị cho sự nghiệp lâu dài - xây dựng và phát triển một chính thể cát cứ⁸. Việc lựa chọn một vùng đất còn khá mới mẻ với những nguy cơ tiềm ẩn khó dự đoán chắc chắn không phải là một quyết định mang tính nhất thời của Đương quân công. Quyết định đầy tính chiến lược của Nguyễn Hoàng đã cho thấy tầm nhìn sâu rộng của Chúa khi mà vùng đất Thuận Hóa mới mẻ vốn là nơi “*Ô châu ác địa*” là vùng đất có những thành phần xã hội rất phức tạp⁹. Tầm nhìn vượt thời đại, những chính sách khôn khéo và tài năng quản lý của Nguyễn

⁶ Võ Hương An (2012), *Từ điển nhà Nguyễn*, NXB Nam Việt, California, tr. 423.

⁷ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2013), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 140. Trong bài viết “Chúa Tiên và công cuộc mở cõi của dân tộc” tại Hội thảo khoa học “Quảng Trị - Đất dựng nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng” ngày 25/9/2013, tác giả Nguyễn Quang Ngọc nhận định có phần “nhẹ nhàng” hơn: “Chúng tôi đã kiểm tra lại các nguồn tư liệu và nhận thấy sự kiện năm 1558, Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, không phải là một cuộc trốn chạy, cũng không phải là một âm mưu xây dựng cơ sở cát cứ chống lại triều đình Lê - Trịnh, mà là thực hiện một sứ mệnh cao cả của triều đình giao phó và trong thực tế Nguyễn Hoàng đã hoàn thành một cách trọn vẹn trọng trách với triều đình. Đây cũng là giai đoạn Nguyễn Hoàng mở rộng thêm tầm nhìn, cách nghĩ, không loại trừ có những toan tính cá nhân, nhưng những toan tính cá nhân đó không phương hại đến sự phát triển chung của đất nước”. Phan Huy Lê – Đỗ Bang (đồng chủ biên) (2014), *Nguyễn Hoàng – Người mở cõi*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 32-48. Về việc Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ Thuận Hóa, cũng có ý kiến cho rằng đây thực chất là toan tính đầy tính chính trị của Nguyễn Hoàng khi mà Đương Quân Công đã theo lời Nguyễn Ư Dĩ: “Thuận Hóa là đất hiểm trở kiên cố, có thể giữ mình được. Vậy nên nhờ chị là Ngọc Bảo (Ngọc Bảo là con gái Triệu Tổ và là chánh phi Trịnh Kiểm) nói với Kiểm, xin vào trấn thủ Thuận Hóa, rồi sau sẽ mưu làm việc lớn”. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập I, quyển 1-6, NXB Thuận Hóa, Huế, tr. 76. Tham khảo thêm tại Nguyễn Trọng Văn – Mai Phương Ngọc, “Góp phần nhìn nhận thêm về sự kiện Nguyễn Hoàng làm trấn thủ Thuận Hóa năm 1558” trong Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa – Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, ngày 18-19/10/2008, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 229-234.

⁸ Nguyễn Cảnh Thị (2004), *Hoan châu ký*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 189.

⁹ “Nhân dân Thuận Hóa lúc bấy giờ gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy, làm ăn, còn có những người theo nhà Mạc, hoặc khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đầy, những du đảng, phiêu lưu, từ các miền Nghệ, Thanh hoặc xa hơn nữa xâm nhập qua các thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới, những

Hoàng đã được chứng minh khi Đoàn quận công đã “vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là chúa Tiên. Nghiệp đế dựng lên, thực là xây nền từ đây”¹⁰. Có thể nói, tài năng của Nguyễn Hoàng đã có vai trò to lớn giảm thiểu đi những hạn chế từ những yếu tố bất định (thành phần dân cư, tập tục,...) và càng củng cố quyết tâm tạo nên một thể chế có khả năng ly khai dần với những giá trị phong kiến của Đàng Ngoài.

Song song với việc củng cố và mở rộng quyền lực trên đất liền, chúa Nguyễn cũng bắt đầu thực thi các chính sách cụ thể để mở rộng ảnh hưởng về phía biển. Nỗ lực này vừa để mở rộng quyền lực ra vùng biên, vừa nhằm củng cố thực lực trên đất liền và tạo những cơ sở ổn định để phát triển vương quốc. Cũng từ giai đoạn này, quá trình “Nam tiến” của dân tộc nhìn từ phía biển bắt đầu được thể hiện rõ nét với những chính sách cụ thể. Góp phần to lớn vào tầm nhìn hướng biển của chúa Nguyễn là vai trò quan trọng của nhân tố kinh tế. Nếu thiếu vắng nhân tố này, chúa Nguyễn chắc hẳn khó có thể triển khai các chính sách hết sức khôn khéo và mang tầm chiến lược.

1. Những nhân tố góp phần vào “tầm nhìn hướng biển” của các chúa Nguyễn

Những nhân tố góp phần hình thành “tầm nhìn hướng biển” của các chúa Nguyễn là những nhân tố mang tính cơ bản nhưng có ý nghĩa quyết định: mang tính gợi mở và đồng thời củng cố cho tầm nhìn và những quyết sách trên thực tiễn của các chúa Nguyễn. Xem xét những nhân tố cơ bản sẽ giúp hiểu rõ hơn thực tiễn triển khai các chính sách.

Một là, hòa cùng tư duy hướng biển (đặc biệt là thương mại đường biển) của các quốc gia phương Tây và châu Á. Từ thế kỷ XV, những tiến bộ về khoa học – kỹ thuật đã tạo điều kiện cho các quốc gia châu Âu và châu Á lưu thông đường biển được thuận tiện hơn. Cũng trong thời kỳ này, việc mở mang Đàng Trong của các chúa Nguyễn cũng nằm trong bối cảnh của Kỷ nguyên Đại thương (*Age of commerce*) (khoảng giữa thế kỷ XV đến khoảng cuối thế kỷ XVII)¹¹. Trước thực tế “*tính hướng biển của người Việt*” được phản ánh khá ít ỏi trong chính sử (hay các nguồn tư liệu ít ỏi tiếng Việt khác), khá nhiều nhà nghiên cứu đã nghi ngờ về tầm nhìn đề cao ngoại thương của người Việt. Cùng với đó là nhận thức dưới góc độ quy chiếu ngược thông qua “căn cứ trên số lượng/ tần số người, hàng hóa và phương tiện vận chuyển, đặc tính vùng, miền... để quyết định đến tính chất chuyên biệt này”¹² cũng là cách tiếp cận thường được tiến hành để kiểm

quan, quân bất mãn họ Trịnh hoặc là làm lỗi bỏ chạy vào Nam, những thổ hào, thổ tù cường ngạnh, những nhiều lương dân, những người Chăm còn ở lại. Bấy nhiêu hạng người, Đoàn Quận Công phải khai hóa họ, buộc họ phải yên ổn làm ăn, khiến họ từng phục mình. Công việc ấy không phải dễ dàng”. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 110.

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Sdd, tr. 28.

¹¹ Anthony Reid phân làm ba thời kỳ: Sơ kỳ (cuối XIV - 1511), Trung kỳ (1511-1600) và Hậu kỳ (1600-1670). Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680*, New Haven and London: Yale University Press. Volume 1: The Lands below the Winds, 1988. Southeast Asia in the Age of Commerce, Volume 2: Expansion and crisis, 1993.

¹² Nguyễn Mạnh Dũng, “Nhìn lại mô hình phát triển kinh tế - xã hội Đàng Trong thế kỷ XVI – XVIII”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Đóng góp của Khoa học Xã hội – Nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam, 2011, tr. 494.

chứng về “*tính hướng biển của người Việt*”. Thế nhưng, việc chủ động hội nhập vào “Kỷ nguyên thương mại” của các chúa Nguyễn trong thời kỳ này là hoàn toàn có cơ sở thực tiễn.

Những tiến bộ về tri thức và kỹ thuật hàng hải đã giúp các thương nhân Âu và Á có thể thực hiện các chuyến hải trình ra đại dương xa xôi. Mạng lưới giao thương quốc tế thời kỳ này đã thu hút rất nhiều các quốc gia châu Á cùng gia nhập¹³. Những yếu tố ngoại sinh hay những tác động từ bên ngoài đã thu hút sự quan tâm của chúa Nguyễn và góp phần hình thành nên nhận thức của chúa Nguyễn về tầm quan trọng của hải thương; qua đó tạo niềm tin vững chắc để các chúa chủ động thi hành những chính sách cụ thể trong nỗ lực hòa vào tiến trình hội nhập thương mại biển. Có thể nói, những chính sách mở cửa ngoại thương của triều Minh (năm 1567) và chính quyền Mạc phủ (1592) đã mang lại những bài học và kinh nghiệm quý báu để chúa Nguyễn trên cơ sở đó áp dụng chính sách đối ngoại mở cửa và chú trọng phát triển kinh tế. Với tư duy cấp tiến về vị thế của Đàng Trong trong mối tương quan khu vực, các chúa Nguyễn đã ý thức về việc tăng cường vị thế của vùng đất mới. “Từ thời chúa Nguyễn Hoàng đã hình thành một tư duy chính trị hướng ngoại; một tầm nhìn kinh tế, quân sự, văn hóa về biển”¹⁴. Từ đây, vươn ra biển để củng cố cho các hoạt động “Nam tiến” trên lục địa đã trở thành chính sách có ý nghĩa chiến lược.

Hai là, kế thừa những kinh nghiệm và truyền thống thương mại biển của Chămpa. Cũng cần nhìn nhận thêm rằng kinh nghiệm và truyền thống thương mại biển của người Chăm đã tạo động lực để chúa Nguyễn kế thừa và đẩy mạnh các hoạt động giao lưu buôn bán với nước ngoài. Con đường trở thành một thể chế biển của Đàng Trong chính là sự kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống từ công cuộc khai thác các tiềm lực quốc gia của Chămpa, đặc biệt là việc phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển¹⁵. Người Chăm từ rất sớm đã biết làm thuyền to (noóc, bầu), thuyền nhỏ (tròng, tre)... họ cũng biết khai thác các nguồn lợi từ sông, biển, biết mở cửa ra thế giới để buôn bán, xuất nhập khẩu¹⁶. Đặc biệt, tuy thời gian dựng nước không quá dài (từ cuối thế kỷ II đến thế kỷ XVII) nhưng người Chăm đã có cái nhìn về biển đúng đắn, biết tham dự và dần thâm nhập tích cực vào luồng thương mại quốc tế trên biển¹⁷.

¹³ Nguyễn Văn Kim, “Ứng đối của chính quyền đàng trong với các thế lực phương Tây”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Số 6 (2010), tr. 77.

¹⁴ Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 63-65.

¹⁵ Nguyễn Văn Kim, “Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 6, 2006, tr. 22.

¹⁶ Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, tr. 431-432.

¹⁷ “Việc buôn bán bằng thuyền với nước ngoài chiếm một vị trí rất quan trọng trong kinh tế Chămpa. Các vua Chămpa giàu có là nhờ vào ngoại thương. Người ngoại quốc đến buôn bán với Chămpa và Chămpa cũng buôn bán nhiều với người nước ngoài”. Trương Hữu Quỳnh – Nguyễn Đức Nghinh (1976), *Lịch sử Việt Nam (Thế kỷ VII – 1427)*, Quyển 1, Tập 2, NXB Giáo dục, tr. 33. Đã từ rất sớm, vào thế kỷ VII – X, trên con đường biển từ Quảng Châu (Trung Hoa) đến Baghdad (Ả Rập) thuyền bè quốc tế Trung Hoa, Ba Tư, Ả Rập, Srivijaya (Gia Va) bao giờ cũng ghé qua Chiêm bất lao (Cù Lao Chàm – cửa Đại – cửa Hàn), Lăng Sơn, Môn Độc (Quy Nhơn), Cổ Đát quốc Kauthara (Nha Trang, Khánh Hòa). Bôn – Đà – Lăng Châu (Panduranga: Phan Rang, Phan Thiết). Phạm Đức Dương (chủ biên) (2014), *Biển với người Việt cổ*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, tr. 16.

Nền kinh tế dựa trên việc khai thác những nguồn lợi to lớn từ biển cả của Đàng Trong chắc hẳn là sự tiếp nối truyền thống xây dựng và phát triển của vương quốc Chăm pa dựa trên nhận thức và thái độ cởi mở với biển. Có thể nói, nền tảng hải thương đã giúp người Chăm xây dựng và phát triển một đế chế biển trong nhiều thế kỷ. Trong quá trình “Nam tiến”, truyền thống kinh tế biển, tư duy hướng biển, kỹ thuật đóng thuyền, kỹ năng khai thác các nguồn tài nguyên trên đất liền và trên biển của người Chăm và ngay cả phương thức hội nhập các tuyến giao thương truyền thống của người Chăm cũng được người Việt kế thừa¹⁸.

Có thể khẳng định rằng với việc kế tục truyền thống quý báu và văn hóa “cái nhìn về biển của người Chăm”¹⁹, các chúa Nguyễn đã mang lại cho Đàng Trong một dáng dấp đầy tính mới mẻ và giúp Đàng Trong trở thành một thực thể kinh tế - chính trị hoàn toàn khác biệt với Đàng Ngoài về mức độ hội nhập. Lấy ngoại thương làm nền tảng để phát triển đất nước, các chúa Nguyễn đã thực hiện chính sách trọng thương với niềm tin rằng đây là con đường có thể thúc đẩy sự phát triển cho Đàng Trong:

“Chúng ta có thể nói một cách hoàn toàn bảo đảm rằng chính thương nghiệp đã làm cho vương quốc mới của Việt Nam, chỉ trong vòng ít thập niên, trở nên giàu có và đủ mạnh để có thể duy trì được nền độc lập của mình đối với phía bắc và mở rộng về phía nam. Không có thương mại, Đàng Trong khó có thể tồn tại nổi, cho dù tài nguyên thiên nhiên có dồi dào, vì những khó khăn vương quốc này phải đứng đầu. Thiếu nhân lực, thiếu tiền của, không có sẵn quan hệ với bên ngoài và nhiều khó khăn khác, nhất là khi lại phải xây dựng trên một vùng đất mới giành được từ một dân tộc khác có một nền văn hóa khác. Ngoại thương đã trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển của Đàng Trong. Ngoại thương nghiệp, không gì khác có thể giúp họ Nguyễn xây dựng một cách nhanh chóng vùng đất ít nhân lực này để có thể đương đầu nổi với một vùng đất có số tiềm lực nhiều gấp đôi, gấp ba Đàng Trong về mọi mặt. Đối với các nước khác ở Đông Nam châu Á, vấn đề ngoại thương có thể chỉ là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong vào buổi đầu, đây là một vấn đề sống chết”²⁰.

Với chính sách đề cao ngoại thương của chúa Nguyễn, Đàng Trong sẽ có nhiều thuận lợi để trở thành trung tâm thu hút các mối giao lưu quốc tế; qua đó góp phần nâng cao tầm vóc chính trị của vùng đất còn khá mới mẻ này so với các thế lực khác trên lãnh thổ của người Việt.

2. Nhân tố kinh tế trong việc thúc đẩy chính sách “Nam tiến” của dân tộc về phía biển

Gắn liền với nhu cầu mở rộng các hoạt động thương mại và được tạo điều kiện bởi các tiến bộ kỹ thuật của ngành hàng hải, các nhà thám hiểm châu Âu đã tìm những con đường sang phương Đông nhằm mở rộng các hoạt động ngoại thương, tìm kiếm vàng bạc, châu báu... Các tuyến đường của người châu Âu đi sang Ấn Độ, rồi từ đó đi tiếp đến vùng Đông Nam Á, vòng

¹⁸ Nguyễn Văn Kim, “Giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và châu Á thế kỷ XVI – XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 10 (175) – 2014, tr. 4-5.

¹⁹ “Ở thế kỷ ngày ở Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam còn nhiều làng xóm người Chăm, nhất là vùng cửa sông, ven biển”. Phạm Đức Dương (chủ biên) (2014), *Biển với người Việt cổ*, Sđd, tr. 31, 41.

²⁰ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, Sđd, tr. 85.

lên đến Trung Quốc, Nhật Bản đã hình thành nên con đường nối liền các châu lục²¹. Những con đường này đã giúp rút ngắn dần khoảng cách địa lý và tăng cường quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa các vùng, miền trên trái đất. Ý niệm mở rộng không gian địa lý bằng đường biển ngày càng trở thành sự lựa chọn chiến lược của các quốc gia có tiềm lực hải thương.

Để hòa nhập vào (i) xu thế phát triển bằng đường biển và (ii) bối cảnh mở cửa ngoại thương của các quốc gia Đông Nam Á, chúa Nguyễn đã lựa chọn biển cả như là một phần không thể thiếu để phát triển kinh tế. Trên cơ sở nhận thức cấp tiến đó, hoạt động kinh tế ngoại thương bằng đường biển trong thời kỳ này đã được đẩy mạnh. Hải thương đã được xem như con đường để khẳng định sức phát triển của Đàng Trong trong tương quan với các quốc gia trong khu vực. Từ cuối thế kỷ XVI cho đến đầu thế kỷ XVII, chủ trương trọng thương của chúa Nguyễn đã giúp Đàng Trong dần phát triển trở thành một “*thế chế biển*” để phát huy truyền thống và những thế mạnh về khai thác biển, phát triển giao thương và giao lưu văn hóa trên biển²².

Thực tế, “từ đời chúa Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Nguyên nông dân và ngư dân nghèo Thuận Quảng đã dùng ghe thuyền vượt biển vào Bà Rịa, lên Đồng Nai, Gia Định, Sài Gòn, Mỹ Tho rồi dần xuống đồng bằng sông Cửu Long”²³. Dưới sức ép từ cuộc chiến Trịnh – Nguyễn (1627 – 1672), biển cả chính là con đường được nông dân và ngư dân nghèo ưu tiên lựa chọn để “Nam tiến”. Từ đây, biển cả cũng là con đường mà các lớp lưu dân tiếp theo tiến vào Nam. Các lớp lưu dân này lại tiếp tục theo đường biển để đến sinh sống và khai phá vùng đất Mỹ Tho, Hà Tiên. Việc khai khẩn của cư dân Việt cũng được diễn ra ở những nơi ven biển như Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên, và đảo Phú Quốc²⁴. Có thể nhận thấy, từ buổi đầu khi các chúa Nguyễn khai phá vùng Tây Nam Bộ thì biển cả và những vùng ven biển đã giữ vai trò quan trọng: vừa là con đường di chuyển, vừa là nơi tập trung khai phá.

Về khách quan, đường bờ biển của Đàng Trong cũng là nhân tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế. Được xuất bản vào năm 1727 tại Edinburgh (Scotland), quyển “*A new account of the East Indies*” của Alexander Hamilton, một thuyền trưởng người Scotland, đã mô tả chi tiết về những đặc điểm của Đàng Trong: “Đàng Trong có đường bờ biển dài khoảng 700 dặm tính từ dòng sông của Campuchia tới Quambin (Quảng Bình – TG), và nó có nhiều hải cảng tốt rất tiện lợi dù chúng không thường xuyên được những người xa lạ lui tới; và dọc theo bờ biển Đông, nó rất sâu, tại một số nơi tôi thấy chiều sâu từ 60 đến 80 sải trong nửa hải lý tính từ bờ biển”²⁵. Như vậy, có thể nhận thấy bờ biển phía Đông của Đàng Trong là một đường bờ biển dài, rất thuận lợi cho các hoạt động giao lưu, buôn bán bằng đường thủy. Những mô tả của Hamilton cũng có sự tương đồng với quyển “*The History of China; Upon the plan of Mr. Rollin's Antient history*”: “Vương quốc này có một số cảng biển tốt ở phía đông, dễ dàng tiếp cận và gần bờ có độ sâu 60 sải và ở một số nơi đến 80 sải mà tàu có thể neo đậu (...) Bờ biển

²¹ Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2006), *Lịch sử Quan hệ quốc tế*, Tập I, NXB Giáo dục, tr. 5-7.

²² Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1996), *Biển với người Việt cổ*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 6-42.

²³ Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Sdd, tr. 76.

²⁴ Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII*, NXB Khoa học Xã hội, tr. 93.

²⁵ Alexander Hamilton (1727), *A New Account of the East Indies, Being the Observations and Remarks*, Vol. 2, John Mosman, p. 208.

của họ là nơi cung cấp hầu hết các loại cá, đặc biệt là rùa, và người dân khai thác dầu và bán trên đất liền”²⁶. Thomas Keith cũng mô tả về Đàng Trong với lợi thế về mặt địa lý: “Đàng Trong kéo dài dọc theo biển Trung Quốc từ Tonquin (Đàng Ngoài – TG) đến Tsiompa (Champa – TG). Nó bao gồm một đồng bằng dài, giữa bờ biển và dãy núi chạy song song với bờ biển”²⁷. Từ những mô tả trên, có thể thấy rằng hoạt động kinh tế chiếm một phần quan trọng trong đời sống của cư dân Đàng Trong. Yếu tố địa lý với đường bờ biển dài cùng những cảng biển đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển các hoạt động đánh bắt trên biển và giao thương hàng hóa.

Cũng cần phải khẳng định rằng chúa Nguyễn đã tạo được một nền tảng khá vững chắc để tiến trình “Nam tiến” được thực hiện theo phương thức hết sức hòa bình với tính chất “tiệm tiến”. Có thể nói, công cuộc mở cõi về phương Nam của Nguyễn Hoàng đã đạt được nhiều thành tựu mà quan trọng nhất là “*ổn định để phát triển*”, đúng theo lời Lê Quý Đôn (1726 – 1784) đã khẳng định: “Chợ không bán hai giá, trong dân gian không có trộm cướp, đêm không phải đóng cổng; thuyền ngoại quốc đến buôn bán, việc giao dịch phân minh, ai cũng cố gắng, toàn cõi nhân dân an cư lạc nghiệp”²⁸. Từ nhận xét của nhà sử học Lê Quý Đôn, có thể nhận thấy rằng sự ổn định của Đàng Trong cũng là một trong những nguyên nhân thúc đẩy các thuyền nước ngoài đến Đàng Trong buôn bán.

Cụ thể, trong thời gian này hầu hết các cường quốc thương mại phương Tây như Hà Lan, Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... hay các thương nhân từ Trung Hoa và Nhật Bản đều thiết lập các quan hệ trao đổi, buôn bán với Đàng Trong. Đặc biệt, các cảng ở Đàng Trong là điểm đến thường xuyên của các thuyền buôn từ các quốc gia lân cận như Xiêm La, Nhật Bản... cho đến Bồ Đào Nha, Hà Lan... Các nghiên cứu sau này cũng chỉ ra rằng đầu thế kỷ XVII, số thuyền tới buôn bán với Đàng Trong đã vượt xa số thương thuyền với Xiêm và Cao Miên. Đàng Trong đã trở thành đối tác hàng đầu trong các nước Đông Nam Á có quan hệ thương mại với Nhật Bản²⁹.

Sở dĩ các thương nhân nước ngoài chú ý đến việc quan hệ kinh tế với Đàng Trong ngoài tài năng và cách ứng xử tài tình của các chúa Nguyễn thì nguồn tài nguyên nơi đây chính là nhân tố quan trọng hàng đầu. Trong “*Ô châu cận lục*”, Dương Văn An nhận xét về nguồn tài nguyên của Đàng Trong: “Đồng bằng lấy nông tang làm cơ nghiệp. Bờ biển sống bằng nghề cá muối. Thổ nghi chẳng thiếu một thứ gì. Rượu tằm rất ngon. Hải vị sơn hào, của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn ở hồ, ở biển, xứ nào cũng có. Gỗ cây lấy ở núi, ở rừng, tùy ý mà dùng đủ cả”³⁰.

Rõ ràng, các hoạt động kinh tế chú trọng vào ngoại thương đã mang đến những cơ hội mới và đầy triển vọng cho Đàng Trong. Điều này càng chứng tỏ tầm nhìn chiến lược của các chúa Nguyễn. Bởi lẽ, để bảo tồn và phát triển một chính thể một cách đa dạng thì không thể chỉ dựa vào nền kinh tế nông nghiệp. Đòi hỏi về một sự phát triển toàn diện đồng nghĩa với việc phải bổ sung vào nền kinh tế của chính thể một phương diện đầy đủ hơn mang tính mở và có khả năng

²⁶ J. & P. Knapton (1755), *The History of China; Upon the plan of Mr. Rollin's Antient history* (Translated from the French), London, p. 338.

²⁷ Thomas Keith (1826), *A System of Geography, for the use of school, on an entirely new plan*, Longman, p. 267.

²⁸ Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 50.

²⁹ Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Sđd, tr. 84-85.

³⁰ Dương Văn An (2009), *Ô châu cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, hiệu đính và chú giải, NXB Giáo dục, tr. 41.

phát huy cũng như khơi dậy những tiềm năng vốn có. “Trên một bình diện rộng lớn hơn, chính quyền Đàng Trong nhận thức rõ ràng, để xây dựng và củng cố chính thể, cần có một nền tảng kinh tế mạnh, một tư duy mang tính khai mở để nắm bắt cơ hội, thu nhận và nhân lên các tiềm năng, sức phát triển cho chính thể, đồng thời cũng nhằm thoả mãn khát vọng của nhiều bộ phận cư dân đang mong muốn vươn lên tìm kiếm những vận hội mới”³¹. Chính trong bối cảnh đó mà việc đẩy mạnh mạng lưới phát triển kinh tế thông qua các hoạt động giao thương xuyên quốc gia đã chứng tỏ tính hợp lý và cấp thiết.

Đáng chú ý là quan hệ thương mại của Đàng Trong được mở rộng với sự chủ động của chúa Nguyễn với thực tế là “chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hóa của họ”³². Nhờ vào chính sách cởi mở của chúa Nguyễn mà “chỉ trong khoảng hơn một trăm dặm một chút mà người ta đếm được hơn sáu mươi cảng, tất cả đều rất thuận tiện để cập bến và lên đất liền”³³. Được tạo điều kiện bởi chúa Nguyễn, số lượng thuyền nước ngoài đến buôn bán với Đàng Trong cũng tăng đáng kể. Tiêu biểu là trong thời kỳ “*Châu Ấn Thuyền*” (*Shuinsen*) (1592-1635), vào giai đoạn 1604-1635, có 87 thuyền Châu ấn đến Đàng Trong (con số hoàn toàn vượt trội so với 37 thuyền đến Đàng Ngoài)³⁴. Từ năm 1715 đến năm 1738, đã có 485 chiếc thuyền mảnh từ Quảng Nam (tức Đàng Trong) đến Nhật Bản và Lưu Cầu để buôn bán. Mặc dù người Hoa là lực lượng chỉ huy đối với các thương thuyền này nhưng các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã giữ vai trò chỉ đạo cho hàng hóa và các hoạt động giao thương này³⁵.

Được tạo điều kiện bởi các chính sách cấp tiến và thái độ cởi mở của các chúa Nguyễn, hoạt động ngoại thương ở Đàng Trong có vai trò đặc biệt quan trọng như là nhân tố thúc đẩy sự ổn định về chính trị của vương quốc. Nhìn nhận về tầm quan hệ liên hệ hữu cơ giữa ngoại thương và chính trị trong nước, Charles Wheeler khẳng định rằng “ngoại thương và nền chính trị trong nước đã kết hợp để tạo nên thế ổn định cho vương quốc vừa được thiết lập ở vùng “biên giới” phương Nam hãy còn chưa thực phát triển”³⁶. Như vậy, ngoại thương là động lực phát triển quốc gia và đồng thời cũng có thể được xem là “*bệ đỡ*” để giúp nền chính trị Đàng Trong đi vào ổn định. Song song đó, việc chúa Nguyễn củng cố tính độc lập của vương quốc thông qua mở rộng các hoạt động thương mại còn nhận được sự hỗ trợ của các phương tiện vũ khí hiện đại. Về

³¹ Nguyễn Văn Kim, “Giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và châu Á thế kỷ XVI – XVIII”, Tlđđ, tr. 5.

³² Christophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr. 92.

³³ Christophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Sđđ, tr. 91.

³⁴ Kato Eiichi, “Shuinsen Licence Trade and the Dutch in Southeast Asia” in The National Committee for the International Symposium on the Ancient Town of Hội An (ed.) (1993), *Ancient Town of Hội An*, Hanoi: The Gioi Publishers, pp. 209-217.

³⁵ Nguyễn Văn Kim, “Thuyền mảnh từ Đông Nam Á đến Nhật Bản thế kỷ XVII - XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 11 (379), 2007, tr. 44-46.

³⁶ Charles Wheeler, “One Region, Two Histories – Cham Precedents in the History of the Hội An Region” in Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S.Reid (2006), *Việt Nam Borderless Histories*, The University of Wisconsin Press, p. 169.

cơ bản, các vũ khí và kỹ thuật hiện đại cho lực lượng quân đội ở Đàng Trong chủ yếu được trang bị từ hoạt động mua bán với các quốc gia phương Tây³⁷.

Tư duy cấp tiến của chúa Nguyễn còn đáng trân trọng hơn khi đặt chính sách “mở cửa” của chúa Nguyễn trong tương quan so sánh với quốc gia láng giềng là Trung Hoa. Sự khác biệt là khá rõ ràng khi một giáo sĩ người Italia, đã nhận định rằng “phương châm của người Đàng Trong là không bao giờ tỏ ra sợ một nước nào trên thế giới. Thật là hoàn toàn trái ngược với vua Trung Hoa, ông này sợ tất cả, đóng cửa không cho người ngoại quốc vào và không cho phép buôn bán trong nước ông. Các sứ giả phải nại nhiều lý do mới được như ý sở cầu”³⁸. Góc nhìn so sánh này mang lại một sự khẳng định rằng chúa Nguyễn đã có thái độ cởi mở với thương mại và chủ động đón nhận các thuyền buôn nước ngoài hơn là duy trì một tâm lý cố kết trong lục địa.

Để góp phần đẩy mạnh khả năng tận dụng các nguồn lợi từ kinh tế biển, chúa Nguyễn đã lập nên các đội Hoàng Sa và Bắc Hải để tăng cường năng lực khai thác tài nguyên biển. Ngoài thực hiện chức năng kiểm soát và quản lý vùng biển đảo của xứ Đàng Trong thì đội Hoàng Sa và Bắc Hải còn thực thi các hoạt động kinh tế. “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy... Đến kỳ tháng 8 thì về”³⁹; “Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần đò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên tìm lượm vật của tàu và các thứ đòi mỗi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản”⁴⁰. Nhìn chung, những nguồn lợi thu được từ việc tìm kiếm sản vật đã góp phần đa dạng hóa các hoạt động kinh tế thời kỳ này.

Về cơ bản, trong suốt thời kỳ chúa Nguyễn đẩy mạnh các chính sách phát triển thương mại ở Đàng Trong thì nơi đây đã không xảy ra những cuộc tranh chấp hay xung đột về quyền lợi kinh tế hay các vấn đề liên quan đến chủ quyền. Chính sách phát triển cởi mở dựa trên thuế quan nghiêm minh đã tạo nên tính ổn định của một chính thể dựa vào biển và làm giàu từ biển. Chính kết quả khả quan này đã “cho thấy uy lực và năng lực điều hành, tổ chức, quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại của chính quyền Đàng Trong”⁴¹. Có thể thấy rõ, việc khai thác các nguồn lợi kinh tế biển luôn được chú trọng kết hợp với hoạt động thực thi và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Tâm nhìn kết hợp chặt chẽ giữa “khai thác” và “bảo vệ” đã mang lại môi trường ổn định, khuyến khích các quan hệ giao thương – góp phần kết nối thị trường Đàng Trong với các quốc gia trong và ngoài khu vực. Đây là con đường vừa để khẳng định sức hấp dẫn của Đàng Trong, vừa cho

³⁷ Hoang Anh Tuan (2007), *Silk for Silver. Dutch-Vietnamese Relations, 1637-1700*, Leiden-Boston: Brill, p. 21.

³⁸ Christophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Sdd, tr. 93.

³⁹ Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 155.

⁴⁰ Bộ Ngoại giao, Ủy ban Biên giới quốc gia (2013), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Tri Thức, Hà Nội, tr. 9.

⁴¹ Nguyễn Văn Kim, “Giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và châu Á thế kỷ XVI – XVIII”, Tlđd, tr. 11.

thấy thiện chí và tinh thần cởi mở sẵn sàng dung nạp những hoạt động kinh tế như là nhân tố hữu hiệu cho việc kết nối Đàng Trong với khu vực và thế giới.

3. Kết luận

Trước những chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của thế giới và khu vực, chúa Nguyễn đã nhạy bén trước thời cuộc và nhanh chóng gắn Đàng Trong với sự vận động của xu thế phát triển thương mại hàng hải. Tầm nhìn hướng biển của chúa Nguyễn đã đáp ứng những đòi hỏi cấp thiết cho con đường phát triển của Đàng Trong. Đặc biệt, những thành tựu và bài học phát triển về phía biển trong quá khứ của Champa đã được chúa Nguyễn vận dụng linh hoạt với ý nghĩa vừa kế thừa, vừa phát triển. Xuyên suốt lịch sử phát triển của dân tộc, cùng với đất liền thì biển cả chính là con đường phát triển đúng đắn cho người Việt.

Nhìn chung, nhân tố biển đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và mở rộng thế lực cát cứ của chúa Nguyễn. Bên cạnh nỗ lực mở mang bờ cõi trên bộ thì các hoạt động phát triển về phía biển của chúa Nguyễn còn đóng góp vào việc giúp củng cố vị thế của Đàng Trong. Nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố biển trong quá trình “Nam tiến” của chúa Nguyễn là cơ sở quan trọng để các vua triều Nguyễn tiếp tục phát huy. Nhà nghiên cứu Vu Hường Đông thuộc Đại học Trịnh Châu (Trung Quốc) cũng nhận xét rằng “ý thức coi trọng biển của các vua triều Nguyễn cũng chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ truyền thống coi trọng biển và tích cực triển khai hoạt động biển của các chúa Nguyễn vùng Quảng Nam”⁴².

Nỗ lực “Nam tiến” của người Việt thông qua các hoạt động vươn ra biển cho thấy cả hai yếu tố chủ quan và khách quan. Về khách quan, vươn ra biển là xu thế không thể đảo ngược trên con đường “Nam tiến” của các chúa Nguyễn nhằm mở mang bờ cõi và củng cố thực quyền của mình tại vùng đất còn khá mới mẻ và hoang sơ. Về chủ quan, phát triển theo hướng biển là để bảo vệ những thành quả từ công cuộc khai thác trên bộ và tạo thế phát triển song song tương hỗ giữa đất liền và biển cả. Trong xu hướng mở mang bờ cõi về phía biển, kinh tế là nhân tố có vai trò quan trọng. Kinh tế vừa là nguyên nhân “khách quan” (hòa nhập vào xu thế phát triển các hoạt động thương mại trên biển) lẫn “chủ quan” (nằm trong các chính sách để phục vụ và tạo thế đan xen với củng cố và thực thi chủ quyền). Ngoài việc đóng vai trò là nhân tố quan trọng để chúa Nguyễn thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thì kinh tế còn được sử dụng để củng cố cho sức mạnh của chính thể quân chủ. Những hoạt động thực tiễn như phát triển hải thương, khẳng định và bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển đảo của chúa Nguyễn chính là những bằng chứng đầy tính thuyết phục để khẳng định tầm quan trọng của nhân tố kinh tế trong việc hình thành và củng cố tầm nhìn hướng biển của chúa Nguyễn.

Tóm lại, tầm nhìn hướng biển của chúa Nguyễn có thể được xem là một “hiện tượng” trong lịch sử dân tộc theo hai nghĩa: *một là*, biển cả đã trở thành nơi chúa Nguyễn mở rộng không gian quyền lực trên cơ sở phát triển về phía Nam; *hai là*, biển cả gắn liền với quá trình tương tác với các chủ thể quyền lực trong khu vực. Đặc biệt, những nhân tố của thời đại đã được

⁴² Vu Hường Đông, “Ý thức về biển của vua Minh Mệnh” trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Tại Thanh Hóa, ngày 18-19/10/2008, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 280.

chúa Nguyễn vận dụng để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế thông qua tận dụng các nguồn lợi từ biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexander Hamilton (1727), *A New Account of the East Indies, Being the Observations and Remarks*, Vol. 2, John Mosman.
2. Anthony Reid, *Southeast Asia in the Age of Commerce, 1450-1680*, New Haven and London: Yale University Press. Volume 1: The Lands below the Winds, 1988. Southeast Asia in the Age of Commerce, Volume 2: Expansion and crisis, 1993.
3. Bộ Ngoại giao, Ủy ban Biên giới quốc gia (2013), *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Tri Thức, Hà Nội.
4. Christophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
5. Dương Văn An (2009), *Ô châu cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, hiệu đính và chú giải, NXB Giáo dục.
6. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hoang Anh Tuan (2007), *Silk for Silver. Dutch-Vietnamese Relations, 1637-1700*, Leiden-Boston: Brill.
8. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX, Tại Thanh Hóa, ngày 18-19/10/2008*, NXB Thế giới, Hà Nội.
9. Huỳnh Lứa (2000), *Góp phần tìm hiểu vùng đất Nam Bộ các thế kỷ XVII, XVIII*, NXB Khoa học Xã hội.
10. J. & P. Knapton (1755), *The History of China; Upon the plan of Mr. Rollin's Antient history* (Translated from the French), London.
11. Lê Quý Đôn (1977), *Toàn tập*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
12. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18*, Bản dịch của Nguyễn Nghị, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S.Reid (2006), *Viet Nam Boderless Histories*, The University of Wisconsin Press.
15. Nguyễn Cảnh Thị (2004), *Hoan châu ký*, NXB Thế giới, Hà Nội.

16. Nguyễn Mạnh Dũng, “Nhìn lại mô hình phát triển kinh tế - xã hội Đàng Trong thế kỷ XVI – XVIII”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Đóng góp của Khoa học Xã hội – Nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam, 2011.
17. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2013), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam.
18. Nguyễn Văn Kim, “Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 6, 2006.
19. Nguyễn Văn Kim, “Thuyền mành từ Đông Nam Á đến Nhật Bản thế kỷ XVII - XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, Số 11 (379), 2007.
20. Nguyễn Văn Kim, “Ứng đối của chính quyền đàng trong với các thế lực phương Tây”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Số 6 (2010).
21. Nguyễn Văn Kim (2011), *Việt Nam trong thế giới Đông Á – Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Kim, “Giao thương giữa miền Trung Việt Nam với Nhật Bản và châu Á thế kỷ XVI – XVIII”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 10 (175) – 2014.
23. Phạm Đức Dương (chủ biên) (2014), *Biển với người Việt cổ*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
24. Phan Huy Lê – Đỗ Bang (đồng chủ biên) (2014), *Nguyễn Hoàng – Người mở cõi*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong (1558-1777)*, NXB Văn học, Hà Nội.
26. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, tập I, quyển 1-6, NXB Thuận Hóa, Huế.
27. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Viện Sử học dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội.
28. The National Committee for the International Symposium on the Ancient Town of Hội An (ed.) (1993), *Ancient Town of Hội An*, Hanoi: The Gioi Publishers.
29. Thomas Keith (1826), *A System of Geography, for the use of school, on an entirely new plan*, Longman.
30. Trần Quốc Vượng (1996), *Theo dòng lịch sử - Những vùng đất, thần và tâm thức người Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
31. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam sử lược*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
32. Trương Hữu Quýnh – Nguyễn Đức Nghinh (1976), *Lịch sử Việt Nam (Thế kỷ VII – 1427)*, Quyển 1, Tập 2, NXB Giáo dục.

33. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa – Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu hội thảo khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, ngày 18-19/10/2008, NXB Thế giới, Hà Nội.
34. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1996), *Biển với người Việt cổ*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
35. Võ Hương An (2012), *Từ điển nhà Nguyễn*, NXB Nam Việt, California.
36. Vũ Dương Ninh (chủ biên) (2006), *Lịch sử Quan hệ quốc tế*, Tập I, NXB Giáo dục.